

Công ty TNHH QA Pharma

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Số: 04 /KKG-

V/v: kê khai giá hàng hóa, dịch vụ
bán trong nước

Kính gửi: Sở Công Thương Thanh Hóa

Thực hiện quy định về kê khai giá và Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em.

Công ty TNHH QA Pharma gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày .. 26/8/2024

Công ty TNHH QA Pharma xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Trịnh Đăng Định

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Trịnh Đăng Định
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Nhà 21B Nguyễn Trung Thực, P. Tân Sơn, TP Thanh Hóa
- Số điện thoại liên lạc: 0912013604
- Email: qapharma1116@gmail.com
- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu kê khai giá và
đóng dấu công văn đến)



Thanh Hóa, ngày 16 tháng 8 năm 2024

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 04/KKG-HB ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH QA Pharma)

- Mức giá kê khai (bán buôn, bán lẻ): Bán buôn, bán lẻ.
- Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có): Không có.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai Bán buôn	Mức giá kê khai bán lẻ khuyến nghị	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Thực phẩm bảo vệ sức khoẻ VISIONKIDS BLUE LIGHT	Hộp 1 Lọ 60 viên nén	Hộp	275.000	305.000			

3. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

4. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có):

- Chính sách khuyến mại, giảm giá: Khi nào công ty thực hiện chương trình khuyến mại công ty sẽ thực hiện theo đúng quy định.
- Chính sách chiết khấu: Chiết khấu tối đa không quá 15% các đại lý, và nhà phân phối. Các nhà phân phối, bệnh viện, nhà thuốc, cửa hàng bán lẻ,... bán đúng giá bán lẻ kê khai với Sở Công Thương.
- Chính sách vận chuyển, giao hàng, bán hàng: Hàng hóa được công ty vận chuyển từ kho đến từng cửa hàng, NPP, chi phí vận chuyển, giao hàng do công ty chịu.
- Chính sách bán hàng: Công ty thực hiện thu đổi hàng còn hạn sử dụng ≤ 5 tháng cho khách hàng khi có yêu cầu từ khách hàng. Với các hàng cận date và hàng móp méo được giảm giá từ 30% đến 70%. Hàng còn date ≤ 10 ngày công ty thực hiện tiêu hủy theo quy định của Pháp luật.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 26/8/2024

Ghi chú:

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Thương nhân sản xuất, nhập khẩu kê khai giá bán lẻ khuyến nghị cùng với giá bán buôn thực tế của doanh nghiệp.

Công ty TNHH QA Pharma

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 8 năm 2024

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ BÁN HÀNG HÓA

(Kèm theo công văn số 04 /KKG-HB ngày 16 tháng 8 năm 2024

của Công ty TNHH QA Pharma)

(Đối với mặt hàng nhập khẩu)

Tên hàng hóa, dịch vụ: Thực phẩm bảo vệ sức khoẻ VISIONKIDS BLUE LIGHT

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty TNHH QA Pharma

Quy cách đóng gói: Hộp 1 Lọ 60 viên nén

Đối tượng sử dụng: Trẻ em từ 3 tuổi trở lên

Quy cách phẩm chất:

Thành phần hàm lượng trong 3 viên nén: Lutemax® 2020 chiết xuất hoa cúc vạn thọ (Tagetes erecta) 49,95mg tương ứng Lutein 10mg và Zeaxanthin 2mg; chiết xuất quả việt quất (Vaccinium myrtillus L.) 21mg, Vitamin C (L-ascorbic acid) 12mg, Vitamin E (D- α -tocopheryl acetate) 4,5mg, Kẽm (Kẽm gluconate) 3,75mg, Đồng (đồng citrate) 0,25mg, Selenium (natri selenite) 27,5mcg

Thành phần khác: chất tạo màng bao: sucrose; sô cô la* (chất tạo ngọt tự nhiên (đường kính), ca cao nguyên chất, bơ ca cao, chất nhũ hóa lecithin đậu nành, hương liệu tổng hợp (hương vani)); tinh bột gạo; chất độn: maltodextrin, gôm arabic; chất tạo màng bao shellac; chất nhũ hóa: mono và diglycerides của acid béo; chất tạo màu nhân tạo (E141, E160C, E133, E120, E100); chất tạo màng bao: Sáp Carnauba*(tối thiểu 50% ca cao)

Điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có):

- Chính sách khuyến mại, giảm giá: Khi nào công ty thực hiện chương trình khuyến mại công ty sẽ thực hiện theo đúng quy định.
- Chính sách chiết khấu: Chiết khấu tối đa không quá 15% cho các đại lý, và nhà phân phối. Các nhà phân phối, bệnh viện, nhà thuốc, cửa hàng bán lẻ,... bán đúng giá bán lẻ kê khai với Sở Công Thương.
- Chính sách vận chuyển, giao hàng, bán hàng: Hàng hóa được công ty vận chuyển từ kho đến từng cửa hàng, NPP, chi phí vận chuyển, giao hàng do công ty chịu.
- Chính sách bán hàng: Công ty thực hiện thu hồi hàng còn hạn sử dụng ≤ 5 tháng cho khách hàng khi có yêu cầu từ khách hàng. Với các hàng cận date và hàng móp méo được giảm giá từ 30% đến 70%. Hàng còn date ≤ 10 ngày công ty thực hiện tiêu hủy theo quy định của Pháp luật.

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng nhập khẩu		375	
B	Giá vốn nhập khẩu	Đồng	199.961,36	
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)	Đồng	191.350,59	
2	Thuế nhập khẩu	Đồng	4.783,76	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)	Đồng		
4	Các khoản thuế, phí khác	Đồng		
5	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)	Đồng	3.827,01	
C	Chi phí chung	Đồng	39.992,27	
6	Chi phí tài chính (nếu có)	Đồng	9.998,07	
7	Chi phí bán hàng	Đồng	19.996,14	
8	Chi phí quản lý	Đồng	9.998,07	
D	Tổng chi phí	Đồng	239.953,63	
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm	Đồng	239.953,63	
E	Lợi nhuận dự kiến	Đồng	10.046,37	
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định	Đồng	25.000	
H	Giá bán dự kiến	Đồng	275.000	

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF): Giá-trên hóa đơn: 6,5 EUR/ hộp, Tỷ giá thanh toán cho NCC được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) là 27.048,99đồng/ EUR; Cước vận chuyển quốc tế và phí dịch vụ làm hàng tại Tây Ban Nha. **Giá mua tại cửa khẩu/ 1 Hộp quy đổi ra VNĐ = 191.350,59 VNĐ**

2. Thuế nhập khẩu: 5% (theo tờ khai hải quan). Thuế nhập khẩu:=191.350,59 x 2,5%= 4.783,76 VNĐ

3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có): không có

4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có): không có

5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định: Chi phí vận chuyển hàng về kho, phí lưu công, lưu bãi, nâng hàng, phí D/O, Handing, phí giao nhận hàng hóa, kiểm định hàng hóa, chi phí in tem nhãn, hồ sơ công bố sản phẩm, Đổi ra VNĐ = 191.350,59 x 2%= 3.827,01 VNĐ

6. Chi phí tài chính:

Chi phí lãi vay trong vòng 6 tháng

Chênh lệch tỷ giá là chênh lệch giá ấn định khi mở khai hải quan và giá ở thời điểm thanh toán cho nhà cung cấp nước ngoài

Đổi ra VNĐ = $199.961,36 \times 5\% = 9.998,07 VNĐ$

7. Chi phí bán hàng:

- Chi phí nhân viên: bao gồm: tiền lương, thưởng, tiền ăn trưa, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: bao gồm: công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như Chi phí đi lại, chi phí mua phương tiện vận tải, chi phí mua phần mềm bán hàng....

- Chi phí dịch vụ mua ngoài, bao gồm:

- Chi phí thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán:

- Chi phí khác: bao gồm: Chi phí tổ chức hội thảo Marketing Training sản phẩm tới khách hàng (Bệnh viện, phòng khám, nhà thuốc, doanh nghiệp,...), chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí tiêu hủy, thu hồi sản phẩm hết hạn ...

- Chi phí bán hàng = $199.961,36 \times 10\% = 19.996,14 VNĐ$

8. Chi phí quản lý:

- Chi phí văn phòng: chi phí thuê văn phòng, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí nhân viên quản lý: bao gồm: tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên và quản lý các phòng ban

- Chi phí nhân viên quản lý: bao gồm: tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp.....

- Chi phí đồ dùng văn phòng, văn phòng phẩm:

- Dịch vụ mua ngoài: bao gồm: điện, nước, điện thoại, fax...

Chi phí quản lý = $199.961,36 \times 5\% = 9.998,07 VNĐ$

9. Lợi nhuận dự kiến: 10.046,37 VNĐ/hộp

10. Thuế giá trị gia tăng 10%: $250.000 \times 10\% = 25.000 VNĐ$

11. Giá bán dự kiến (bao gồm VAT) = Giá thành trên 1 sản phẩm + lợi nhuận dự kiến + thuế GTGT: $239.953,63 + 10.046,37 + 25.000 = 275.000 VNĐ$.

III. Giải trình chi tiết cách tính các khoản mục chi phí cho một đơn vị sản phẩm bán lẻ hàng hóa

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Giá vốn hàng hóa	Hộp	1	239.953,63	239.953,63
2	Chi phí bán hàng	Hộp	1	19.196,29	19.196,29
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Hộp	1	9.595,15	9.595,15
4	Lợi nhuận dự kiến	Hộp	1	8.524,66	8.524,66
5	Thuế giá trị gia tăng (10%)	Hộp	1	27.727,27	27.727,27
6	Giá bán (đã có thuế)	Hộp	1	305.000	305.000



1. Giá vốn mua hàng: là giá các nhà phân phối, đại lý mua từ nhà sản xuất bằng giá bán buôn đăng ký chưa VAT.
2. Chi phí bán hàng: Là các chi phí chiết khấu, hoa hồng, nhà phân phối, đại lý, tiền lương nhân viên bán hàng, nhân viên marketing, chi phí vận chuyển,.. Phát sinh qua các khâu phân phối tới người tiêu dùng cuối cùng.
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, bảo hiểm, các khoản phụ cấp..) Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản...) và các chi phí khác phát sinh qua các khâu phân phối tới người tiêu dùng cuối cùng.
4. Lợi nhuận dự kiến : 8.524,66VNĐ/hộp
5. Thuế GTGT: 10%